

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư; sửa đổi nội dung một số TTHC đã công bố tại Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát TTHC;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018; Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 828/TTr-SKHĐT ngày 07/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục TTHC ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư; sửa đổi nội dung một số TTHC đã công bố tại Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh, chi tiết tại Danh mục kèm theo.

1. Ban hành mới 07 TTHC thuộc lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Sửa đổi nội dung 15 TTHC tại số thứ tự: 14, 16, 17, 18, 20, 21, 25, 39, 42, 44, 45, 46, 47, 50, 51, Mục I.1 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, Phần A Danh mục TTHC được chuẩn hóa lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản

lý các Khu công nghiệp tỉnh và UBND cấp huyện, UBND cấp xã kèm theo Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Các nội dung không sửa đổi, tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các bộ phận tạo thành TTHC được công bố tại Quyết định này có hiệu lực theo ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về TTHC hoặc bộ phận tạo thành TTHC có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- BQL các Khu công nghiệp tỉnh;
- Viễn thông Đắk Lắk, Bưu điện tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- UBND cấp xã (do UBND cấp huyện sao gửi);
- Các phòng, TT: KGVX, TH, CN, PVHCC;
- Lưu: VT, KSTTHC (Tg 3).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Hà

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI NỘI DUNG
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI: LĨNH VỰC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
I. Thành lập và hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo								
1	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ; - Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2	X	X
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo					2	X	X
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo					2	X	X
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo					2	X	X
5	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	Không quy định				2	X	X

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến (Mức độ 2, 3, 4)	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
II. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn								
1	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	Không quy định				2	X	X
2	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Đắk Lắk	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14; - Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ; - Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	2	X	X

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI LỆ PHÍ VÀ THỜI GIAN (Đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố tại Quyết định số 2825/QĐ-UBND ngày 11/10/2021)

TT	Tên thủ tục hành chính (TTHC)	Nội dung điều chỉnh		Căn cứ pháp lý	Ghi chú (Số thứ tự TTHC tại danh mục ban hành kèm theo QĐ số 2825/QĐ-UBND)
		Phí lệ phí	Thời gian thực hiện		
1	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Không quy định		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	TTHC số 50 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1
2	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Không quy định			TTHC số 51 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1
3	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: Không quy định - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần. 			TTHC số 14 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1
4	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: Không quy định - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần. 			TTHC số 16 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1
5	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí: Không quy định - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp 100.000 đồng/lần. 			TTHC số 17 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung điều chỉnh		Căn cứ pháp lý	Ghi chú (Số thứ tự TTHC tại danh mục ban hành kèm theo QĐ số 2825/QĐ-UBND)
		Phí lệ phí	Thời gian thực hiện		
6	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	Không quy định		- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;	TTHC số 18 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1
7	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Không quy định		- Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ;	TTHC số 20 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1
8	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Không quy định		- Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;	TTHC số 44 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1
9	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	Không quy định		- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính;	TTHC số 45 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1
10	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	Không quy định		- Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	TTHC số 46 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1
11	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	Không quy định			TTHC số 47 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung điều chỉnh		Căn cứ pháp lý	Ghi chú (Số thứ tự TTHC được sửa đổi tại danh mục ban hành kèm theo QĐ số 2825/QĐ-UBND)
		Phí lệ phí	Thời gian thực hiện		
12	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. - Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: Không. - Tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 	<p>03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Trường hợp Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	TTHC số 21 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung điều chỉnh		Căn cứ pháp lý	Ghi chú (Số thứ tự TTHC được sửa đổi tại danh mục ban hành kèm theo QĐ số 2825/QĐ-UBND)
		Phí lệ phí	Thời gian thực hiện		
13	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử. - Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: Không. - Tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp. 	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Trường hợp Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. 	TTHC số 25 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1

TT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung điều chỉnh		Căn cứ pháp lý	Ghi chú (Số thứ tự TTHC tại Danh mục ban hành kèm theo QĐ số 2825/QĐ-UBND)
		Phí lệ phí	Thời gian thực hiện		
14	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	- Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: Không - Tạm ngừng kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.		- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;	TTHC số 39 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1
15	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Miễn lệ phí		- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính; - Quyết định số 1550/QĐ-BKHĐT ngày 10/11/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	TTHC số 42 Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp mục I.1

